

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
THÔNG TƯ SỐ 30/2015/TT-NHNN NGÀY 25/12/2015 CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM QUY ĐỊNH VIỆC CẤP GIẤY PHÉP, TỔ CHỨC VÀ
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

I. Sự cần thiết xây dựng Dự thảo Thông tư

1. Cơ sở pháp lý

Luật Các TCTD (được sửa đổi, bổ sung) quy định:

- Điều 18. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép

“Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Luật này.”.

- Điều 20. Điều kiện cấp Giấy phép

“1. Tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định;

b) Chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập hoặc thành viên sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có đủ khả năng tài chính để góp vốn.

Điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập do Ngân hàng Nhà nước quy định;

c) Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật này;

d) Có Điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.”.

- Khoản 24, điểm d Khoản 35, khoản 38, khoản 39 Điều 4:

“24. Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng là việc tổ chức tín dụng góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; góp vốn vào quỹ đầu tư và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên.”.

“35. Phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại) là một trong các phương án sau đây:

d) Phương án chuyển giao bắt buộc;

38. Phương án chuyển giao bắt buộc là phương án chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông của ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho bên nhận chuyển giao.

39. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài, nhà đầu tư khác có đề nghị được nhận chuyển giao bắt buộc và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định được nhận chuyển giao bắt buộc.”.

- Điểm i khoản 1 Điều 148b quy định biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi:

“1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:

“i) Biện pháp khác theo phương án phục hồi đã được phê duyệt.”.

- Điều 151c quy định biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc:

“Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được áp dụng một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 1 Điều 148b của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.”.

- Điểm a Khoản 3 Điều 151d quy định:

“Bên nhận chuyển giao thực hiện các nội dung:

“a) Thực hiện quyền của Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông tại ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;”.

- Khoản 1 Điều 151e quy định quyền của bên nhận chuyển giao:

“1. Bên nhận chuyển giao là tổ chức tín dụng có các quyền sau đây:

a) Sở hữu 100% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc đối với trường hợp ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc;

c) Được loại trừ ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;

d) Khoản vốn góp vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và được loại trừ khi tính giới hạn góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao.

Mức góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao vào ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được thực hiện theo tỷ lệ quy định tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

đ) Được bán, phát hành cổ phần của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

e) Được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ quy định tại Điều 148b của Luật này theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.”.

2. Cơ sở thực tiễn:

Tạo điều kiện cho chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

II. Định hướng xây dựng Dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên các định hướng sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định đối với chủ sở hữu là NHTM được chuyển giao bắt buộc nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quá trình triển khai xây dựng phương án chuyển giao bắt buộc đối với một số NHTM.

- Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đối với TCTD phi ngân hàng TNHH phù hợp với chủ sở hữu là NHTM được chuyển giao bắt buộc.

- Bãi bỏ cụm từ, điểm về trách nhiệm của CQTTGSNH, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Thông tư 30 cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ hiện nay của CQTTGSNH và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

III. Bố cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 4 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 30.

- Điều 2: Bãi bỏ cụm từ, điểm của Thông tư 30.

- Điều 3: Tổ chức thực hiện.
- Điều 4: Điều khoản thi hành.

IV. Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Thông tư

STT	Quy định tại Thông tư số 30	Quy định tại dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 1 Điều 8 “1. Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 1, 2, 3 Điều 15, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 16 Thông tư này và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.”.	Khoản 1 Điều 1 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau: “1. Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 1, 2, 3 Điều 15, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 5a, 6 Điều 16 Thông tư này và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép không đầy đủ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trụ bị yêu cầu bổ sung hồ sơ.”.	Để phù hợp quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy phép đối với chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
2	Khoản 3 Điều 10 3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cấp Giấy phép gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp văn bản thông báo về việc đã đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động theo	Khoản 2 Điều 1 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau: “3. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng được cấp Giấy phép gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (Bộ phận một cửa) văn bản thông báo về việc đã đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động.”	Để phù hợp với quy định tại Điều 16 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (đã được sửa đổi bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021) và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của CQTTGSNH, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố hiện nay.

	quy định sau đây: a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nộp tại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với địa bàn có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng); b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nộp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.		
3	Khoản 2 Điều 12: 2. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và điểm b, c, d khoản 7 Điều 11 Thông tư này.	Khoản 3 Điều 1 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau: “2. Chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ quy định tại khoản 3a Điều 12 Thông tư này) phải tuân thủ các quy định tại khoản 4, 5 và điểm b, d khoản 7 Điều 11 Thông tư này.”.	Để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4		Khoản 4 Điều 1 4. Bổ sung khoản 3a Điều 12 vào sau khoản 3 Điều 12 như sau: “3a. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt phải tuân thủ các quy định sau đây: a) Quy định tại khoản 4, 5, điểm c khoản 7 Điều 11 Thông tư này; b) Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc phải có mức vốn điều lệ tối thiểu bằng tổng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật.”	
5	Tiêu đề khoản 5 Điều 16	Khoản 5 Điều 1	Để phù hợp với quy định về hồ sơ đối với

	5. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam:	5. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 5 Điều 16 như sau: “5. Hồ sơ đối với chủ sở hữu, thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại Việt Nam (trừ quy định tại khoản 5a Điều 16 Thông tư này), doanh nghiệp Việt Nam:”.	đối với chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
6		Khoản 6 Điều 1 6. Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 16 như sau: “5a. Hồ sơ đối với chủ sở hữu là ngân hàng thương mại Việt Nam được chuyển giao bắt buộc thành lập tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt: a) Văn bản ủy quyền người đại diện vốn góp tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định của pháp luật; b) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư này, Phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật, người được cử đại diện phần vốn góp của tổ chức tại tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư này.”.	
7	Điểm d khoản 7 Điều 16 đ) Báo cáo của ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư này từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;	Khoản 7 Điều 1 7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư số 15/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 06 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN) như sau: “đ) Báo cáo của ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam về việc tuân thủ các quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư này từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép; hoặc báo cáo của ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc về việc tuân thủ các quy định tại khoản 3a Điều 12 Thông tư này từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép.”.	Để đảm bảo thống nhất về hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

8	Điều 2. Bãi bỏ cụm từ, điểm của Thông tư 30/2015/TT-NHNN 1. Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 41. 2. Bãi bỏ cụm từ “(đối với địa bàn không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại điểm b khoản 4 Điều 41. 3. Bãi bỏ cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với địa bàn có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc” tại Điều 7 Phụ lục số 09A, Điều 7 Phụ lục số 09B, Điều 7 Phụ lục số 09C, Điều 7 Phụ lục số 09D.	Đề phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hiện nay.
---	---	--

